



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*  
*đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880  
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	<b>5 - 33</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 33

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 18.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

#### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 33).

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Xuân Hà	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2012
Bà Mai Khuê Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2012
Ông Chu Xuân Kiên	Ủy viên	
Ông Nghiêm Xuân Thụy	Ủy viên	
Bà Tô Thanh Huyền	Ủy viên	
Ông Đỗ Mạnh Hùng	Ủy viên	

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nghiêm Xuân Thụy	Giám đốc	
Bà Tô Thanh Huyền	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Văn Vinh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2012
Bà Trần Thị Hoàng Liên	Kế toán trưởng	

### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2013

**EM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**  
  
**Nghiêm Xuân Thụy**

Số: 37/2013/BCKT-AASCN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
*về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long*

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được lập ngày 01 tháng 3 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2013

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



**Nguyễn Minh Tiến**  
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

**Kiểm toán viên**



**Bùi Thị Ngọc Lân**  
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>99.418.970.052</b>	<b>70.922.069.051</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>30.383.233.328</b>	<b>5.469.807.291</b>
1.	Tiền	111	V.01	24.533.233.328	5.469.807.291
2.	Các khoản tương đương tiền	112		5.850.000.000	-
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>31.288.828.779</b>	<b>12.001.481.367</b>
1.	Phải thu khách hàng	131		29.258.688.554	9.641.086.726
2.	Trả trước cho người bán	132		1.250.244.596	1.053.844.511
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	783.018.694	1.347.629.313
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.123.065)	(41.079.183)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.378.232.520</b>	<b>52.941.654.567</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	37.378.232.520	52.941.654.567
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>368.675.425</b>	<b>509.125.826</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.181.507	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		18.891.134	206.376.744
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	77.888.888	76.009.783
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	243.713.896	226.739.299

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.003.332.561</b>	<b>59.328.938.157</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>87.568.728.065</b>	<b>52.674.946.493</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	54.197.729.513	36.520.319.789
2.	Phải trả người bán	312		7.407.373.013	2.648.463.910
3.	Người mua trả tiền trước	313		414.516.625	887.943.693
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	19.537.422.773	8.728.750.058
5.	Phải trả người lao động	315		1.952.806.171	1.808.994.713
6.	Chi phí phải trả	316	V.15	760.885.710	451.976.647
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	3.282.848.507	1.619.993.351
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		15.145.753	8.504.332
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.434.604.496</b>	<b>6.653.991.664</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		853.753.786	270.367.157
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		576.973.978	17.782.142
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.17	3.915.240.368	6.129.790.136
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	236.052.229
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		88.636.364	-
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>28.884.138.349</b>	<b>32.968.531.054</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>28.884.138.349</b>	<b>32.968.531.054</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		21.088.000	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	(11.800.000)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		8.805.595.673	9.302.676.377
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.863.277.098	1.974.953.440
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		194.177.578	3.702.701.237
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C.</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>121.887.470.910</b>	<b>92.297.469.211</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)****CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		130.710.583	89.631.400
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2013

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Trần Thị Hoàng Liên****Trần Thị Hoàng Liên****Nghiêm Xuân Thụy**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	<b>128.439.893.058</b>	<b>96.316.777.562</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	22.789.598.380	12.250.246.561
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.03	<b>105.650.294.678</b>	<b>84.066.531.001</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	86.744.895.523	65.835.597.552
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>18.905.399.155</b>	<b>18.230.933.449</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	101.826.256	210.311.740
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	7.789.600.489	9.543.179.662
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.787.266.717	9.407.238.941
8.	Chi phí bán hàng	24		5.326.208.360	4.932.591.928
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.024.876.476	4.358.047.697
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>(1.133.459.914)</b>	<b>(392.574.098)</b>
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	30.048.062	6.397.998.997
12.	Chi phí khác	32	VI.08	1.252.977.458	3.115.287.949
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(1.222.929.396)</b>	<b>3.282.711.048</b>
14.	<b>Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	45		-	-
15.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>(2.356.389.310)</b>	<b>2.890.136.950</b>
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	39.971.262	969.242.137
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>(2.396.360.572)</b>	<b>1.920.894.813</b>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		(2.396.360.572)	1.920.894.813
19.	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.10	<b>(1.332)</b>	<b>1.069</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Nghiêm Xuân Thụy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		117.512.376.874	122.107.839.827
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(61.511.437.733)	(77.563.662.473)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.980.202.963)	(10.049.475.698)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(8.260.690.554)	(9.048.540.073)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(1.199.257.006)	(983.067.733)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.962.408.189	2.395.825.671
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.754.161.925)	(21.351.650.905)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.769.034.882</b>	<b>5.507.268.616</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.648.814.904)	(3.087.540.468)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		496.364	5.633.636.362
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.600.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.600.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.781.739	210.311.740
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.552.536.801)</b>	<b>2.756.407.634</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		32.888.000	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		72.297.720.155	76.186.905.267
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.834.860.199)	(83.929.698.762)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.798.820.000)	(1.978.701.996)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>13.696.927.956</b>	<b>(9.721.495.491)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>24.913.426.037</b>	<b>(1.457.819.241)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>5.469.807.291</b>	<b>6.927.626.532</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>30.383.233.328</b>	<b>5.469.807.291</b>

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Hoàng Liên

Trần Thị Hoàng Liên

Nguyễn Xuân Thụy

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2012**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật liệu và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở;
- Kinh doanh lữ đoàn nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát Karaoke);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, đồ uống có cồn, lương thực, thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm, thủ công mỹ nghệ, hàng nhựa, hàng may mặc, hàng tiêu dùng;
- Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất, nước giải khát có gas;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất, mua bán, chế biến, ký gửi hàng nông, lâm, thủy sản;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, hải sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản, mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

### 04. Thông tin về Công ty con

Tên và địa chỉ Công ty con	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (VND)	Tỷ lệ góp vốn thực tế và quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2010			
		Giá trị vốn của Công ty con (VND)	Giá trị vốn của Công ty mẹ tại Công ty con (VND)	Tỷ lệ vốn góp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
<i>Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long</i> Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	100%	100%

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

### 02. Cơ sở hợp nhất

#### *Các công ty con*

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **03. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **04. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

#### **05. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
- Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
- Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
- TSCĐ hữu hình khác	8 - 12 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	8 năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn (theo thời gian sử dụng)	21 năm
- Phần mềm máy vi tính	8 năm

**04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của Bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.3.

**05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là 7 %.

**06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Trả trước tiền thuê đất;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### 07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### 09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

46  
IÁI  
YT  
TU  
KÊ  
TC  
IỀ  
Y

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.977.585.601	1.526.857.846
- Tiền gửi ngân hàng	22.555.647.727	3.942.949.445
<b>Cộng</b>	<b>24.533.233.328</b>	<b>5.469.807.291</b>

**02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	16.546.595	-
- Phải thu khác	766.472.099	1.347.629.313
<b>Cộng</b>	<b>783.018.694</b>	<b>1.347.629.313</b>

**03. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	8.906.713.288	13.425.665.170
- Công cụ, dụng cụ	394.768.553	459.750.645
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.860.933.413	29.445.435.970
- Thành phẩm	8.157.109.779	6.881.249.337
- Hàng hoá	1.241.292.273	1.665.684.459
- Hàng gửi đi bán	817.415.214	1.063.868.986
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>37.378.232.520</b>	<b>52.941.654.567</b>

**04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	39.814.648
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	36.195.135
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	77.888.888	-
<b>Cộng</b>	<b>77.888.888</b>	<b>76.009.783</b>

**05. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	243.713.896	226.739.299
<b>Cộng</b>	<b>243.713.896</b>	<b>226.739.299</b>

**06. Phải thu dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu dài hạn khác	71.680.000	160.456.800
<b>Cộng</b>	<b>71.680.000</b>	<b>160.456.800</b>

20. NH VÀ TO ÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>11.117.282.495</b>	<b>27.175.732.407</b>	<b>2.985.314.158</b>	<b>888.634.328</b>	<b>998.808.022</b>	<b>43.165.771.410</b>
- Mua trong năm	-	14.661.000	175.000.000	43.340.710	-	233.001.710
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	25.728.588	15.000.000	(40.728.588)	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(68.513.345)	-	(68.513.345)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.117.282.495</b>	<b>27.216.121.995</b>	<b>3.175.314.158</b>	<b>822.733.105</b>	<b>998.808.022</b>	<b>43.330.259.775</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>8.509.451.473</b>	<b>21.085.587.534</b>	<b>1.856.433.075</b>	<b>643.953.772</b>	<b>888.331.804</b>	<b>32.983.757.658</b>
- Khấu hao trong năm	436.787.370	1.671.350.532	192.551.745	73.944.605	47.360.052	2.421.994.304
- Phân loại lại	(4.062.911)	24.875.788	6.000.000	(26.812.877)	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(68.513.345)	-	(68.513.345)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.942.175.932</b>	<b>22.781.813.854</b>	<b>2.054.984.820</b>	<b>622.572.155</b>	<b>935.691.856</b>	<b>35.337.238.617</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.607.831.022</b>	<b>6.090.144.873</b>	<b>1.128.881.083</b>	<b>244.680.556</b>	<b>110.476.218</b>	<b>10.182.013.752</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>2.175.106.563</b>	<b>4.434.308.141</b>	<b>1.120.329.338</b>	<b>200.160.950</b>	<b>63.116.166</b>	<b>7.993.021.158</b>

Nguyên giá của tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.370.704.134 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Website	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>255.498.856</b>	<b>252.000.000</b>	<b>183.101.908</b>	-	-	<b>690.600.764</b>
- Mua trong năm	-	-	-	35.000.000	-	35.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>255.498.856</b>	<b>252.000.000</b>	<b>183.101.908</b>	<b>35.000.000</b>	-	<b>725.600.764</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>231.285.446</b>	<b>252.000.000</b>	<b>141.433.710</b>	-	-	<b>624.719.156</b>
- Khấu hao trong năm	22.981.792	-	8.557.500	498.263	-	32.037.555
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>254.267.238</b>	<b>252.000.000</b>	<b>149.991.210</b>	<b>498.263</b>	-	<b>656.756.711</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>24.213.410</b>	-	<b>41.668.198</b>	-	-	<b>65.881.608</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.231.618</b>	-	<b>33.110.698</b>	<b>34.501.737</b>	-	<b>68.844.053</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình xưởng sản xuất nhựa	-	7.568.055.741
- Công trình 181 Lạc Long Quân	929.691.727	887.191.727
- Công trình 45 Lạc Long Quân	973.659.328	793.728.937
- Công trình nhà máy bao bì carton	-	131.103.636
- Công trình 323 Vĩnh Hưng	484.304.545	228.972.727
<b>Cộng</b>	<b>2.387.655.600</b>	<b>9.609.052.768</b>

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	-	<b>8.261.425.803</b>	-	8.261.425.803
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	8.261.425.803	-	8.261.425.803
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	<b>43.143.001</b>	-	43.143.001
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	43.143.001	-	43.143.001
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	-	<b>8.261.425.803</b>	<b>43.143.001</b>	<b>8.218.282.802</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	8.261.425.803	43.143.001	8.218.282.802

Giá trị bất động sản đầu tư là xưởng sản xuất nhựa tại cụm Công nghiệp Thực phẩm Hapro.

**11. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		1.000.000.000		1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Rượu Hapro	100.000	1.000.000.000	100.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.000.000.000</b>		<b>1.000.000.000</b>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	383.507.481	357.995.232
- Trả trước tiền thuê đất tại Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro	2.345.509.764	-
<b>Cộng</b>	<b>2.729.017.245</b>	<b>357.995.232</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn	54.197.729.513	36.520.319.789
- Vay ngân hàng	33.451.644.701	29.558.245.095
+ Ngân hàng Công thương VN - Sở GD 1	-	14.059.982.833
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội - Tây Hồ <sup>(a)</sup>	9.702.820.939	6.604.668.502
+ Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát triển Việt Nam - Hai Bà Trưng <sup>(b)</sup>	11.519.890.833	1.894.605.760
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(c)</sup>	6.256.882.858	6.998.988.000
+ Ngân hàng TMCP Đông Á <sup>(d)</sup>	4.033.186.731	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội <sup>(e)</sup>	1.938.863.340	-
- Vay đối tượng khác <sup>(f)</sup>	20.746.084.812	6.962.074.694
+ Tổng Công ty Thương mại Hà Nội	7.700.000.000	-
+ Các cá nhân	13.046.084.812	6.962.074.694
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>54.197.729.513</u></b>	<b><u>36.520.319.789</u></b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại kho 191 Lạc Long Quân và Quyền sử dụng đất tại 343 đường Lạc Long Quân, Cầu Giấy, Hà Nội.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát triển Việt Nam - Hai Bà Trưng để mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 07 xe ô tô và 03 xe nâng hàng.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho tại kho Vĩnh Hưng.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Á để mua nguyên vật liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội và thế chấp bằng tài sản cố định là tank, téc inox.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội để mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội.
- (f) Khoản vay đối tượng khác để mua nguyên vật liệu. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	5.038.121.074	2.784.902.623
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	127.306.151	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	10.927.037.708	4.840.186.732
- Thuế xuất, nhập khẩu	115.732.865	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.081.396.856
- Thuế thu nhập cá nhân	31.023.885	22.263.847
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.298.201.090	-
<b>Cộng</b>	<b><u>19.537.422.773</u></b>	<b><u>8.728.750.058</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	-	101.976.647
- Trích trước chi phí di dời giải phóng mặt bằng tại Ninh Thuận	-	350.000.000
- Trích trước chi phí vận chuyển	350.190.000	-
- Trích trước tiền xăng xe tháng 12/2012	53.744.801	-
- Trích trước tiền khám bệnh định kỳ năm 2012	35.000.000	-
- Trích trước tiền thuê kho và xử lý rác thải tháng 12/2012	43.320.000	-
- Trích trước chi phí quảng cáo	278.630.909	-
<b>Cộng</b>	<b><u>760.885.710</u></b>	<b><u>451.976.647</u></b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	94.624.841	86.560.061
- Bảo hiểm xã hội	31.486.167	65.212.389
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.156.737.499	1.468.220.901
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền vốn hỗ trợ bán hàng bình ổn giá</i>	<i>2.000.000.000</i>	-
+ <i>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Hà Nội về tiền lãi vay</i>	<i>175.260.093</i>	-
+ <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>981.477.406</i>	<i>1.468.220.901</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.282.848.507</u></b>	<b><u>1.619.993.351</u></b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.915.240.368</b>	<b>6.129.790.136</b>
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>3.915.240.368</i>	<i>6.129.790.136</i>
+ Ngân hàng Công thương VN - Sở GD 1 <sup>(a)</sup>	3.915.240.368	4.606.165.136
+ Ngân hàng NN và PTNT Cầu Giấy	-	1.523.625.000
- <i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- <i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>3.915.240.368</u></b>	<b><u>6.129.790.136</u></b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Công thương VN - Sở GD 1 để xây dựng nhà xưởng tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản Quyền sử dụng đất và toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác hình thành trên đất tại cụm Công nghiệp thực phẩm Hapro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.000.000.000</b>	-	<b>(11.800.000)</b>	<b>8.793.940.358</b>	<b>1.853.825.816</b>	<b>4.801.575.617</b>	<b>33.437.541.791</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.920.894.813	1.920.894.813
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2010	-	-	-	(6.792.099)	(1.617.166)	14.554.497	6.145.232
- Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(1.978.701.996)	(1.978.701.996)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	515.528.118	122.744.790	(1.055.621.694)	(417.348.786)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>18.000.000.000</b>	-	<b>(11.800.000)</b>	<b>9.302.676.377</b>	<b>1.974.953.440</b>	<b>3.702.701.237</b>	<b>32.968.531.054</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(2.396.360.572)	(2.396.360.572)
- Tăng khác	-	21.088.000	11.800.000	-	-	-	32.888.000
- Hủy số đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2011	-	-	-	(515.528.118)	(122.744.790)	1.055.605.194	417.332.286
- Phân phối lại lợi nhuận năm 2011	-	-	-	18.447.414	11.068.448	(368.948.281)	(339.432.419)
- Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	(1.798.820.000)	(1.798.820.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>21.088.000</b>	-	<b>8.805.595.673</b>	<b>1.863.277.098</b>	<b>194.177.578</b>	<b>28.884.138.349</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	7.200.000.000	7.200.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	10.800.000.000	10.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>18.000.000.000</u></b>	<b><u>18.000.000.000</u></b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.000.000.000	18.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.798.820.000	1.978.701.996

**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.800.000</i>	<i>1.800.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.180
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	1.180
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.800.000	1.798.820
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.800.000</i>	<i>1.798.820</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	25.206.848.495	34.722.725.857
- Doanh thu bán thành phẩm	102.738.581.898	61.254.325.345
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	494.462.665	339.726.360
<b>Cộng</b>	<b><u>128.439.893.058</u></b>	<b><u>96.316.777.562</u></b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	6.457.499.503	2.598.900.882
- Hàng bán bị trả lại	620.587.764	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.711.511.113	9.651.345.679
<b>Cộng</b>	<b><u>22.789.598.380</u></b>	<b><u>12.250.246.561</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	25.176.479.727	34.722.725.857
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	79.979.352.286	49.004.078.784
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	494.462.665	339.726.360
<b>Cộng</b>	<b>105.650.294.678</b>	<b>84.066.531.001</b>

**04. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.711.293.753	31.070.958.984
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	61.849.632.883	34.764.638.568
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	183.968.887	-
<b>Cộng</b>	<b>86.744.895.523</b>	<b>65.835.597.552</b>

**05. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.760.718	210.311.740
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.065.538	-
<b>Cộng</b>	<b>101.826.256</b>	<b>210.311.740</b>

**06. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	7.787.266.717	9.407.238.941
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.333.772	135.940.721
<b>Cộng</b>	<b>7.789.600.489</b>	<b>9.543.179.662</b>

**07. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chuyển quyền sử dụng đất tại Ninh Thuận	-	450.000.000
- Chuyển quyền sử dụng nhà xưởng tại Ninh Thuận	-	5.000.000.000
- Thu thanh lý TSCĐ	496.364	-
- Thu nhập khác	29.551.698	947.998.997
<b>Cộng</b>	<b>30.048.062</b>	<b>6.397.998.997</b>

**08. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí di dời máy móc thiết bị tại Ninh Thuận	-	350.000.000
- Giá trị còn lại của nhà xưởng chuyển nhượng tại Ninh Thuận	-	2.523.600.625
- Chi phí lương vượt quỹ lương của Xưởng sản xuất nhựa năm 2011	1.070.154.626	-
- Chi phí khác	182.822.832	241.687.324
<b>Cộng</b>	<b>1.252.977.458</b>	<b>3.115.287.949</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	39.971.262	941.056.517
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	28.185.620
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>39.971.262</b>	<b>969.242.137</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.396.360.572)	1.920.894.813
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.396.360.572)	1.920.894.813
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.799.175	1.798.820
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.332)</b>	<b>1.069</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.861.719.620	27.345.025.040
- Chi phí nhân công	15.226.233.554	11.213.260.496
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.497.174.860	2.983.538.051
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.093.011.603	7.827.386.537
- Chi phí khác bằng tiền	7.397.904.854	4.773.812.810
<b>Cộng</b>	<b>64.076.044.491</b>	<b>54.143.022.934</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	547.235.184	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	820.290.171	430.602.172
Phụ cấp	12.000.000	4.500.000
Tiền thưởng	49.023.180	48.117.263
Thù lao HĐQT, BKS, HĐQTV	392.051.081	227.597.694
<b>Cộng</b>	<b>1.273.364.432</b>	<b>710.817.129</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)**02. Điều chỉnh hồi tố**

Trong năm, đoàn thanh tra Cục thuế thành phố Hà Nội đã thanh tra Báo cáo tài chính của Công ty 05 năm từ năm 2007 đến năm 2011. Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu theo Biên bản thanh tra ngày 09 tháng 10 năm 2012.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>92.297.469.211</b>	<b>92.297.469.211</b>	<b>-</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>58.849.121.950</b>	<b>59.328.938.157</b>	<b>479.816.207</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>52.195.130.286</b>	<b>52.674.946.493</b>	<b>479.816.207</b>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.248.933.851	8.728.750.058	479.816.207
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>33.448.347.261</b>	<b>32.968.531.054</b>	<b>(479.816.207)</b>
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	420	4.182.517.444	3.702.701.237	(479.816.207)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Chi phí bán hàng	24	4.919.843.123	4.932.591.928	12.748.805
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(379.825.293)</b>	<b>(392.574.098)</b>	<b>(12.748.805)</b>
Thu nhập khác	31	6.579.817.179	6.397.998.997	(181.818.182)
Lợi nhuận khác	40	3.464.529.230	3.282.711.048	(181.818.182)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>3.084.703.937</b>	<b>2.890.136.950</b>	<b>(194.566.987)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	916.935.656	969.242.137	52.306.481
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>2.167.768.281</b>	<b>1.920.894.813</b>	<b>(246.873.468)</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>1.205</b>	<b>1.069</b>	<b>(136)</b>
(*) : Chênh lệch lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2012 bao gồm:				
<b>Nội dung</b>				<b>Số tiền</b>
Lợi nhuận giảm năm 2011 theo Biên bản thanh tra thuế				246.873.468
Lợi nhuận giảm giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2010 theo Biên bản thanh tra thuế				232.942.739
<b>Cộng</b>				<b>479.816.207</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

#### ***Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Sản xuất: Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì.
- Thương mại: Kinh doanh các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến, bao bì.
- Dịch vụ: Cho thuê tài sản và dịch vụ khác.
- Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

11.11.2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Đơn vị tính VND			
	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	25.176.479.727	79.979.352.286	494.462.665	-
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	29.486.556.620	77.019.443.566	277.754.406	106.783.754.592
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(4.310.076.893)	2.959.908.720	216.708.259	(1.133.459.914)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	586.845.165	-	175.000.000	886.969.739
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.388.686.934	-	131.745.255	74.643.315
<b>Số dư cuối năm</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	78.128.904.083	1.691.428.911	698.412.273	91.082.537.833
- Tài sản không phân bổ				30.804.933.077
<b>Tổng tài sản</b>	<b>78.128.904.083</b>	<b>1.691.428.911</b>	<b>698.412.273</b>	<b>121.887.470.910</b>
- Nợ phải trả bộ phận	81.516.124.221	4.383.264.546	88.636.364	90.772.733.999
- Nợ phải trả không phân bổ				2.230.598.562
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>81.516.124.221</b>	<b>4.383.264.546</b>	<b>88.636.364</b>	<b>93.003.332.561</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
<b>Năm trước</b>					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	49.004.078.784	34.722.725.857	339.726.360	-	84.066.531.001
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	48.493.716.892	35.930.435.598	34.952.609	-	84.459.105.099
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	510.361.892	(1.207.709.741)	304.773.751	-	(392.574.098)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	2.940.062.571	219.536.865	4.382.742	16.911.473	3.180.893.651
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.939.906.626	-	134.705.280	32.409.756	3.107.021.662
<b>Số dư cuối năm</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	83.533.963.725	3.293.698.195	-	-	86.827.661.920
- Tài sản không phân bổ					5.469.807.291
<b>Tổng tài sản</b>	<b>83.533.963.725</b>	<b>3.293.698.195</b>	-	-	<b>92.297.469.211</b>
- Nợ phải trả bộ phận	46.416.561.706	12.553.872.119	-	-	58.970.433.825
- Nợ phải trả không phân bổ					358.504.332
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>46.416.561.706</b>	<b>12.553.872.119</b>	-	-	<b>59.328.938.157</b>

**Khu vực địa lý kinh doanh:**

Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****04. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.383.233.328	5.469.807.291	30.383.233.328	5.469.807.291
Phải thu khách hàng	29.258.688.554	9.641.086.726	29.255.565.489	9.600.007.543
Các khoản phải thu khác	854.698.694	1.508.086.113	854.698.694	1.508.086.113
<b>Cộng</b>	<b>60.496.620.576</b>	<b>16.618.980.130</b>	<b>60.493.497.511</b>	<b>16.577.900.947</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	8.261.126.799	2.918.831.067	8.261.126.799	2.918.831.067
Vay và nợ	58.112.969.881	42.650.109.925	58.112.969.881	42.650.109.925
Chi phí phải trả	760.885.710	451.976.647	760.885.710	451.976.647
Các khoản phải trả khác	3.859.822.485	1.637.775.493	3.859.822.485	1.637.775.493
<b>Cộng</b>	<b>70.994.804.875</b>	<b>47.658.693.132</b>	<b>70.994.804.875</b>	<b>47.658.693.132</b>

**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**06. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	7.407.373.013	853.753.786	-	8.261.126.799
Vay và nợ	54.197.729.513	3.915.240.368	-	58.112.969.881
Chi phí phải trả	760.885.710	-	-	760.885.710
Các khoản phải trả khác	3.282.848.507	576.973.978	-	3.859.822.485
<b>Cộng</b>	<b>65.648.836.743</b>	<b>5.345.968.132</b>	-	<b>70.994.804.875</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 đường Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số đầu năm</b>				-
Phải trả cho người bán	2.648.463.910	270.367.157	-	2.918.831.067
Vay và nợ	36.520.319.789	6.129.790.136	-	42.650.109.925
Chi phí phải trả	451.976.647	-	-	451.976.647
Các khoản phải trả khác	1.619.993.351	17.782.142	-	1.637.775.493
<b>Cộng</b>	<b>41.240.753.697</b>	<b>6.417.939.435</b>	-	<b>47.658.693.132</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**07. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt, trong đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố theo kết quả thanh tra của cơ quan thuế (xem thuyết minh số VIII.02).

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

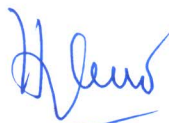
Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Trần Thị Hoàng Liên

Kế toán trưởng



Trần Thị Hoàng Liên

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2013

Giám đốc



Nghiêm Xuân Thụy